

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH-  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày: 21/9/2022

Về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Nhâm Đức Hùng**

**2. Ông Nguyễn Thành Thái**

**- Th<sup>ư</sup> ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.**

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc tiền mua lúa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Anh Lâm Quang K**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà X, ấp Y, xã Z, huyện G, tỉnh K.

**2. Bị đơn: Anh Lâm Quang H**, sinh năm 1983, CMND số 370983179

Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, anh K có mặt, anh H và chị N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022 của nguyên đơn Lâm Quang K, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hoà giải ngày 21/6/2022, phiên không hòa giải được ngày 02/8/2022, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

**\* Nguyên đơn Lâm Quang K trình bày:**

Tôi được biết là anh Lâm Quang H là cò lúa tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K nên tôi có liên hệ với anh H để mua lúa dài thơm 8, lúa 5451 vụ đông xuân 2022 của nông dân. Tôi giao tiền mặt để anh H giao tiền cọc lúa cho nông dân cụ thể như sau:

- Ngày 01/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 03/01/2022 dương lịch) là 150.000.000 đồng;

- Ngày 12/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 14/01/2022 dương lịch) là 150.000.000 đồng;

- Ngày 25/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2022 dương lịch) là 70.000.000 đồng;

- Ngày 27/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 27/02/2022 dương lịch) là 40.000.000 đồng (Đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 và bản tự khai 18/6/2022 tôi ghi ngày 07/01/2021 là không chính xác).

Tổng cộng tiền mặt là 410.000.000 đồng. Anh Lâm Quang H có ký nhận 04 khoản tiền nêu trên.

Ngoài ra, tôi còn giao lúa giống cho anh Lâm Quang H để anh H bán cho nông dân với số lượng là  $5.290\text{kg} \times 9.000 \text{ đồng/kg} = 47.610.000 \text{ đồng}$  và  $5.000\text{kg} \times 14.000 \text{ đồng/kg} = 70.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền lúa giống là 117.610.000 đồng. 02 số nợ lúa giống này có ghi vào biên nhận ngày 12/12/2021 âm lịch.

Tổng cộng các khoản tiền nêu trên là 527.610.000 đồng. Hai bên giao kèo là khi nông dân thu hoạch lúa đông xuân 2022 xong thì anh Lâm Quang H phải hoàn lại cho tôi đủ số tiền là 527.610.000 đồng.

Anh Lâm Quang H đã nhận đủ tiền mặt và lúa giống của tôi với tổng số tiền là 527.610.000 đồng. Nông dân đã thu hoạch lúa đông xuân 2022 đã lâu nhưng đến ngày 03/3/2022 dương lịch thì anh Lâm Quang H chỉ mới trả lại cho tôi tổng số tiền là 330.610.000 đồng, trả làm nhiều lần, không nhớ mỗi lần trả bao nhiêu tiền, không có làm biên nhận trả nợ, còn lại số tiền 197.000.000 đồng thì anh Lâm Quang H cứ hẹn lần hẹn lựa mãi mà không trả cho tôi, tôi điện thoại thì anh H không bắt máy, tôi đến nhà tìm gặp anh H nhiều lần thì anh H trốn tránh không gặp tôi. Ngày 14/5/2022 dương lịch, anh H ký nhận số nợ tiền cọc mua lúa còn lại là 197.000.000 đồng nhưng anh H nói anh H đem tiền về cho vợ anh Hải giữ, vợ anh H đang đòi ly hôn với anh H nên toàn bộ tài sản vợ anh H đã gửi nơi khác; tôi có đến gặp vợ anh H thì vợ anh H nói vợ anh H không còn nói chuyện với anh H và không biết gì về tiền bạc của anh H.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N phải trả lại cho tôi số tiền cọc mua lúa còn nợ lại là 197.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi với lãi suất là 3%/tháng tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử.

*\* Tại bản tự khai ngày 20/6/2022 và phiên hòa giải ngày 21/6/2022, bị đơn Lâm Quang H trình bày:*

Tôi thừa nhận là anh Lâm Quang K có giao tiền mặt cho tôi để tôi giao tiền cọc lúa cho nông dân cụ thể như sau:

- Ngày 01/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 03/01/2022 dương lịch) là 150.000.000 đồng;

- Ngày 12/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 14/01/2022 dương lịch) là 150.000.000 đồng;

- Ngày 25/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2022 dương lịch) là 70.000.000 đồng;

- Ngày 27/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 27/02/2022 dương lịch) là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền mặt là 410.000.000 đồng. Tôi có ký nhận 04 khoản tiền nêu trên vào sổ của anh K. Tôi thừa nhận các biên nhận, biên nhận tiền của 04 khoản tiền nêu trên mà anh K nộp cho Tòa án đều là chữ ký và chữ viết họ và tên nhận nợ của tôi, tôi có đọc lại nội dung các văn bản này trước khi ký tên nhận nợ.

Ngoài ra, anh Lâm Quang K còn giao lúa giống cho tôi để tôi bán cho nông dân với số lượng là  $5.290\text{kg} \times 9.000 \text{ đồng/kg} = 47.610.000 \text{ đồng}$  và  $5.000\text{kg} \times 14.000\text{đồng/kg} = 70.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng tiền lúa giống là 117.610.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền nêu trên mà tôi nợ anh Lâm Quang K là 527.610.000 đồng. Hai bên giao kèo là khi nông dân thu hoạch lúa đông xuân 2022 xong thì tôi phải hoàn lại cho anh Lâm Quang K đủ số tiền là 527.610.000 đồng.

Tính đến ngày 04/4/2022 dương lịch thì tôi đã trả cho anh Lâm Quang K tổng số tiền là 430.500.000 đồng, trả làm nhiều lần, không nhớ mỗi lần trả bao nhiêu tiền, không có làm biên nhận trả nợ. Tôi thừa nhận tôi có ký tên và ghi họ tên nhận nợ số nợ tiền cọc mua lúa còn lại với số tiền là 197.000.000 đồng vào ngày 14/5/2022 dương lịch, tôi có đọc lại nội dung văn bản này trước khi ký tên nhận nợ.

Hiện nay tôi chỉ còn thiếu anh Lâm Quang K số tiền cọc mua lúa là 97.110.000đ (Chín mươi bảy triệu một trăm mười ngàn đồng). Tôi xin trả cho anh K số tiền này vào tháng 10 năm 2022 âm lịch.

*\* Tại bản tự khai ngày 01/8/2022, chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:*

Tôi không biết việc chồng tôi là anh Lâm Quang H mua bán lúa với anh Lâm Quang K.

*\* Tại phiên tòa,*

Anh Lâm Quang K giữ nguyên ý kiến trình bày về nội dung tranh chấp nêu trên; yêu cầu Tòa án buộc anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N phải trả lại cho anh Lâm Quang K số tiền cọc mua lúa còn nợ lại là 197.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi với lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử, trả một lần.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Quang K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Do phát sinh tranh chấp về việc thanh toán tiền đặt cọc mua lúa với anh Lâm Quang H nên anh Lâm Quang K khởi kiện anh Lâm Quang H tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/6/2022; anh Lâm Quang H có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 108/2022/QĐ-CC TLCC ngày 08/8/2022 cho anh Lâm Quang H, chị Nguyễn Thị Bích N theo quy định của pháp luật nhưng anh Lâm Quang H không có yêu cầu phản tố, chị Nguyễn Thị Bích N không có yêu cầu độc lập. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc tiền mua lúa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 328, 385 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt, niêm yết Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-DS ngày 30/8/2022 cho anh Lâm Quang H, chị Nguyễn Thị Bích N theo quy định của pháp luật, anh Lâm Quang H, chị Nguyễn Thị Bích N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 33, 51), đ- ọc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và anh Lâm Quang K, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lâm Quang H, chị Nguyễn Thị Bích N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Quang K:**

2.1. Tại bản tự khai ngày 20/6/2022 và phiên hòa giải ngày 21/6/2022, bị đơn Lâm Quang H đã tự nguyện thừa nhận là anh Lâm Quang K có giao tiền mặt cho anh Lâm Quang H để anh Lâm Quang H giao tiền cọc lúa cho nông dân là 04 lần với tổng cộng số tiền mặt là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng) như anh Lâm Quang K đã trình bày nêu trên; anh Lâm Quang H có ký nhận 04 khoản tiền nêu trên vào sổ của anh K; anh H thừa nhận các biên nhận, biên nhận tiền của 04 khoản tiền nêu trên mà anh K nộp cho Tòa án gồm các bút lục 06, 26, 27, 28 đều là chữ ký và chữ viết họ và tên nhận nợ của anh H, anh H có đọc lại nội dung các văn bản này trước khi ký tên nhận nợ; và anh Lâm Quang K có giao lúa giống cho anh Lâm Quang H để anh Lâm Quang H bán cho nông dân với tổng số tiền lúa giống là 117.610.000đ (Một trăm mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn đồng) như đã nêu trên; tổng cộng các khoản tiền mà anh Lâm Quang H nợ anh Lâm Quang K là

527.610.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn đồng); hai bên giao kèo là khi nông dân thu hoạch lúa đông xuân 2022 xong thì anh Lâm Quang H phải hoàn lại cho anh Lâm Quang K đủ số tiền là 527.610.000 đồng.

Tuy nhiên, anh Lâm Quang H cho rằng tính đến ngày 04/4/2022 dương lịch thì anh Hải đã trả cho anh Lâm Quang K tổng số tiền là 430.500.000 đồng, trả làm nhiều lần, không nhớ mỗi lần trả bao nhiêu tiền, không có làm biên nhận trả nợ và hiện nay anh H chỉ còn thiếu anh Lâm Quang K số tiền cọc mua lúa là 97.110.000đ (Chín mươi bảy triệu một trăm mười ngàn đồng), anh H xin trả cho anh K số tiền này vào tháng 10/2022 âm lịch.

Xét rằng: Việc anh H cho rằng tính đến ngày 04/4/2022 dương lịch thì anh H đã trả cho anh Lâm Quang K tổng số tiền là 430.500.000 đồng, chỉ còn thiếu anh Lâm Quang K số tiền cọc mua lúa là 97.110.000đ (Chín mươi bảy triệu một trăm mười ngàn đồng) thì anh H không có chứng cứ chứng minh cho khai nại này của anh H là có căn cứ để Tòa án xem xét. Hơn nữa, anh Lâm Quang K chỉ thừa nhận là đến ngày 03/3/2022 dương lịch thì anh Lâm Quang H chỉ mới trả lại cho anh K tổng số tiền là 330.610.000 đồng, anh Hải còn nợ lại anh K số tiền 197.000.000 đồng và ngày 14/5/2022 dương lịch, anh H ký nhận số nợ tiền cọc mua lúa còn lại là 197.000.000 đồng. Và, anh H cũng đã tự nguyện thừa nhận là anh H có ký tên và ghi họ tên nhận nợ số nợ tiền cọc mua lúa còn lại với số tiền là 197.000.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng) vào ngày 14/5/2022 dương lịch, anh H có đọc lại nội dung văn bản này trước khi ký tên nhận nợ. Do đó, Tòa án bác toàn bộ khai nại của anh H về việc anh H cho rằng anh H đã trả cho anh K số tiền cọc mua lúa là 430.500.000 đồng trong tổng số tiền cọc mua lúa, tiền lúa giống mà anh H đã nợ anh K là 527.610.000 đồng.

2.2. Tại bản tự khai ngày 01/8/2022, chị Nguyễn Thị Bích N cho rằng chị không biết gì về việc giao dịch tiền bạc mua bán lúa giữa anh Lâm Quang H với anh Lâm Quang K.

Xét rằng: Khai nại này của chị N nhằm trốn tránh việc cùng có trách nhiệm với anh H thanh toán số tiền cọc mua lúa mà anh H còn nợ lại anh K. Tuy nhiên, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N là vợ chồng, đã có với nhau hai đứa con chung, hiện tại anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N vẫn chung sống một nhà tại tổ 11, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K (BL 58).

Vì vậy, căn cứ vào các Điều 328, 385, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án, Tòa án thống nhất: Buộc anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Lâm Quang K số tiền cọc mua lúa như sau:

- Tiền gốc = 197.000.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng).
- Tiền lãi =  $\{(197.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) : 12 \text{ tháng}\} \times 04 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 6.949.000\text{đ}$  (Sáu triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi là 203.949.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Việc anh Lâm Quang H, chị Nguyễn Thị Bích N thanh toán số tiền nêu trên cho anh Lâm Quang K nh- thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Quang K.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tòa án buộc anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải hoàn trả cho anh Lâm Quang K là:  $203.949.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.197.450\text{đ}$  (Mười triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi đồng).

Anh Lâm Quang K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Lâm Quang K đã nộp là 4.930.000đ (Bốn triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009447, ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 328, 385, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

### **Xử:**

1- Buộc anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Lâm Quang K số tiền cọc mua lúa với tổng số tiền gốc và số tiền lãi là 203.949.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành

án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2- Về án phí:**

2.1. Buộc anh Lâm Quang H và chị Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.197.450đ (Mười triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi đồng).

2.2. Anh Lâm Quang K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Lâm Quang K đã nộp là 4.930.000đ (Bốn triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009447, ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Anh Lâm Quang K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (21/9/2022); anh Lâm Quang H, chị Nguyễn Thị Bích N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc Bản án hoặc đ-ợc niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hương**